

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BỐ TRẠCH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Bản án số: 24 /2020/HS-ST

Ngày: 13-5-2020.

1  
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hải và bà Nguyễn Thùy Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Bích Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 13/5/2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21 /2020/TLST-HS ngày 09 /3 /2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21 /2020/QĐXXST-HS, ngày 16 /4/2020, đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn C;** tên gọi khác: H; sinh ngày 26/02/1996 tại huyện B, tỉnh Q. Nơi cư trú: Thôn 4 P, xã P, huyện B, tỉnh Q. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; đoàn thể: quần chúng; trình độ văn hóa: 5/12. Con ông: không xác định, con bà Nguyễn Thị L. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo C bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “ Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 17/4/2019 cho đến ngày 21/5/2019 thì bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan cảnh sát điều tra ra quyết định truy nã, ngày 07/01/2020 C ra đầu thú và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “ Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 07/01/2020 cho đến nay, có mặt.

-Người bị hại: Nguyễn Thị L- Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Q; vắng mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Xuân M- Xã T, huyện Q, tỉnh Q; vắng mặt.

-Người làm chứng:

+Lê Quý H- Thôn 3 P, xã P, huyện B, tỉnh Q; vắng mặt.

+ Nguyễn Thị H- Tiểu khu 15, phường B, thành phố Đ, tỉnh Q; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 21 giờ ngày 30/11/2018, Nguyễn Văn C điều khiển xe mô tô (mượn của anh Nguyễn Văn P ở thôn 2P) chở Lê Quý H đi từ thôn 3 P đến khu vực B chơi. Trên đường đi C nói với H “Coi có chi ăn trộm không kiếm ít tiền tiêu cu hê”, H đồng ý. Khi đến địa phận thôn 4 T, xã P, C và H phát hiện xe mô tô Yamaha Jupiter, màu đen bạc, biển kiểm soát 73V2-5173 của chị Nguyễn Thị L dựng ở bên lề đường Hồ Chí Minh nên nảy sinh ý định lấy trộm. C dừng xe đứng canh chừng, còn H

đi đến phía chiếc xe của chị L dùng chìa khóa có sẵn trong túi mở khóa xe rồi nổ máy, hai người chạy xe về nhà H cất xe mượn rồi lấy xe trộm được chở nhau vào thành phố Đ. Ngày hôm sau, C nhờ Ngô Văn Đ trú tại thôn K, xã H dẫn H đi cầm cố xe 73V2-5173. C và H nói với Đ đây là xe của bố, mẹ H. Đ dẫn H đến quán tạp hóa của chị Nguyễn Thị H gặp anh Trần Xuân M, anh M cho H mượn 3.000.000đ và giữ xe lại làm tin. Số tiền trên C, H, Đ ăn nhậu hết 600.000đ; H giữ lại 1.100.000đ; H đưa cho C 1.000.000đ; cho Đ 300.000đ. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận xe mô tô Jupiter 73V2-5173 trị giá 2.600.000đ.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình thu giữ 01 xe mô tô Yamaha Jupiter biển kiểm soát 73V2-5173 và đã xử lý trả lại cho chị Nguyễn Thị L. Thu giữ 01 chìa khóa xe mô tô dài 5cm có in chữ số “YAMAHA” “B32010” đã xử lý tại bản án 88/2019/HS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Trách nhiệm dân sự: Người bị hại Nguyễn Thị Lan đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm. Bị cáo đã trả lại 3.000.000đ cho anh Nguyễn Xuân Mẫn để lấy xe mô tô 73V2-5173 về nộp lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra.

Đối với Lê Quý H đã bị xét xử tại bản án 88/2019/HS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Đối với Nguyễn Văn Đ đưa H đi cầm cố xe Jupiter 73V2-5173, sau đó được H và C cho 300.000đ nhưng Đ không biết đó là xe do trộm cắp mà có nên không xử lý.

Đối với Nguyễn Xuân M cho bị cáo mượn 3.000.000đ và giữ xe Jupiter 73V2-5173 lại làm tin nhưng không biết đó là xe do trộm cắp mà có nên không xử lý.

Bản Cáo trạng số 22/CT-VKSBT ngày 03/3/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình đã truy tố Nguyễn Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và thừa nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Văn C đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 03 đến 05 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết tại bản án 88/2019/HS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình, nên không xét. Miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) cho Nguyễn Văn C. Bị cáo C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo C nói lời sau cùng: Đã thấy được hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối lỗi, xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trạch,

tỉnh Quảng Bình; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Về hành vi của bị cáo, các chứng cứ xác định tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với lời khai của người bị hại và những người tham gia tố tụng khác và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Nguyễn văn C đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình đã truy tố đối với bị cáo.

[3]Xét tính chất, mức độ, hậu quả vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng: Xuất phát từ động cơ háms lợi và ý thức coi thường pháp luật, Nguyễn văn C đã lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô của chị Nguyễn Thị L. Hành vi của bị cáo chẳng những xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng xấu tình hình an ninh, trật tự ở địa phương; gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy, cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng trừng trị, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung về loại tội phạm này.

Đối với Lê Quý H đã bị xét xử tại bản án 88/2019/HS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, nên không xét.

Đối với Nguyễn Văn Đ đưa H đi cầm cố xe Jupiter 73V2-5173, sau đó được H và C cho 300.000đ nhưng Đ không biết đó là xe do trộm cắp mà có nên không xử lý là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Xuân M cho bị cáo mượn 3.000.000đ và giữ xe Jupiter 73V2-5173 lại làm tin nhưng không biết đó là xe do trộm cắp mà có nên không xử lý là có căn cứ.

[4]Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tình tiết tăng nặng: Không; tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã tự nguyện trả lại tiền cho anh M để chuộc lại xe nộp trả cho người bị hại, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện ra đầu thú. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần giảm nhẹ phần nào về hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ.

Bị cáo C nghề nghiệp không ổn định, thu nhập thấp nên không xử phạt hình phạt bổ sung(phạt tiền) đối với bị cáo C là có căn cứ.

[5]Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết tại bản án 88/2019/HS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, nên không xét.

[6] Bị cáo C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố **Nguyễn văn C** phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn văn C 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

2. Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết tại bản án 88/2019/HS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình, nên không xét.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn văn C phải chịu 200.000đ(hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án(13/5/2020). Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Tòa án N.D tỉnh Quảng Bình;
- V. K.S N.D huyện Bồ Trách;
- VKS ND tỉnh Quảng Bình;
- Phòng PV 06-CA tỉnh Quảng Bình
- Thi hành án phạt tù;
- Công an huyện Bồ Trách(3);
- Chi cục THA DS Bồ Trách;
- Bị cáo Nguyễn Văn C;
- Chị Nguyễn Thị L;
- Anh Nguyễn Xuân M;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ;Lưu V.P Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Thanh Vân**